Phụ lục VI

MẪU VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ

(Kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 07 năm 2024 của Chính phủ)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VAS HẢI PHÒNG

Số 437/VASHP.2026

V/v kê khai giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 05 năm 2026

SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
ĐẾN Số:.....
Ngày: 29/5/26.....
Chuyển:.....
Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi : Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Công ty Cổ phần thép VAS Hải Phòng gửi Bảng kê khai mức giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 27/05/2026.

Công ty Cổ phần thép VAS Hải Phòng xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

Nơi nhận

-Như trên

-Lưu KD

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N:0201572808 CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VAS HẢI PHÒNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Dương Thị Kim Dung

- Họ và tên người nộp văn bản :Đỗ Tuấn Anh
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai : CN3, KCN Nam Cầu Kiền, Phường Thiên Hương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Số điện thoại liên hệ : 0936926379
- Email : anhdt1@vasgroup.vn
- Số fax : 031 8841366
-

GHI NHẬN NGÀY NỘP VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ CỦA CƠ QUAN TIẾP NHẬN

(Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VAS HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 437/VASHP.2026 ngày 27 tháng 05 năm 2026 của Công ty Cổ Phần Thép VAS Hải Phòng về việc kê khai giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu)

1. Mức giá kê khai bán trong nước:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế-kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá,điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
1	Thép xây dựng	Thép cuộn VAS: D6 - D8 CB240-T	kg	Bán buôn		16.027				Thuế VAT 10%
2	Thép xây dựng	Thép cuộn VAS: D8 CB300-V	kg	Bán buôn		16.137				Thuế VAT 10%
3	Thép xây dựng	Thép thanh VAS D10 Gr40/CB300-V	kg	Bán buôn		16.577				Thuế VAT 10%
4	Thép xây dựng	Thép thanh VAS D12 CB300-V	kg	Bán buôn		16.357				Thuế VAT 10%
5	Thép xây dựng	Thép thanh VAS D14-20 CB300-V	kg	Bán buôn		16.357				Thuế VAT 10%
6	Thép xây dựng	Thép thanh VAS D10 CB400-V/ CB500-V	kg	Bán buôn		16.962				Thuế VAT 10%
7	Thép xây dựng	Thép thanh VAS D12 CB400-V/ CB500-V	kg	Bán buôn		16.742				Thuế VAT 10%
8	Thép xây dựng	Thép thanh VAS D14-32 CB400-V/ CB500-V	kg	Bán buôn		16.742				Thuế VAT 10%
9	Thép xây dựng	Thép thanh VAS D36 CB400-V/ CB500-V	kg	Bán buôn		16.962				Thuế VAT 10%
10	Thép xây dựng	Thép thanh VAS D40 CB400-V/ CB500-V	kg	Bán buôn		17.182				Thuế VAT 10%

2, Mức giá kê khai bán xuất khẩu

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế-kỹ thuật, quy cách	Thị trường xuất khẩu	Đơn vị tính	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá,điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
1										*Không xuất khẩu chỉ bán trong nước*
2										
3										
4										

3, Phân tích nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa lần kê khai giá kỳ này so với kỳ giá liền kề trước: cụ thể nguyên nhân do biến động của các yếu tố hình thành giá và các nguyên nhân khác tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ.

4, Ghi rõ mức thuế giá trị gia tăng đã bao gồm trong giá. Giá giao hàng tại nhà máy trên phương tiện vận chuyển của bên mua hàng

Trần Thị Bích Hoàn

Ghi chú

(1) Tên đơn vị thực hiện kê khai giá

(2) Số kí hiệu văn bản

(3) Tên cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận văn bản kê khai giá

- Giá kê khai là mức giá bán ghi trên hóa đơn đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có) và bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có) của hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp kê khai giá lần đầu không bao gồm thông tin về mức giá kê khai kỳ trước, mức tăng giảm, tỷ lệ tăng giảm và nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa các lần kê khai.
- Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, thực hiện kê khai mức giá ghi trên hóa đơn theo đồng Việt Nam, đồng ngoại tệ (nếu có) tại bảng kê khai, ghi chú thêm thông tin thị trường nước xuất khẩu, tỷ giá, ngày áp dụng tỷ giá và ngân hàng giao dịch.
- Trường hợp tại kỳ kê khai, tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ định giá hoặc điều chỉnh nhiều mức giá khác nhau cho nhiều đối tượng khách hàng thì kê khai tất cả các mức giá áp dụng.